UBND TỈNH SƠN LA **SỞ XÂY DỰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 279 /QĐ-SXD	*Sơn La, ngày 01 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng chuyển đổi theo quy định tại Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 365/QĐ-UBND ngày 31/01/2026 của UBND tỉnh Sơn La về việc ủy quyền công bố thông tin về giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình; đơn giá nhân công xây dựng; giá ca máy và thiết bị thi công, giá thuê máy và thiết bị thi công và chỉ số giá xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Vật liệu xây dựng tại Tờ trình số 277/TTr-KT&VLXD ngày 01/7/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này đơn giá nhân công xây dựng chuyển đổi theo quy định tại Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật *(có Phụ lục kèm theo)*.

Điều 2. Xử lý chuyển tiếp

1. Quyết định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng các dự án đầu tư công; dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư; dự án sử dụng chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, vốn ngân sách nhà nước khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công.

2. Việc chuyển tiếp được thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Sở, Trưởng các phòng thuộc Sở, Giám đốc các đơn vị trực thuộc Sở và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ Xây dựng (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Giám đốc Sở (b/c);
- Các Sở Công thương, Tài chính, NN&MT;
- Các Ban QLDAĐTXD của tỉnh;
- UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Sơn La;
- Như Điều 3;
- Tổ Website Sở;
- Lưu: VT, KT&VLXD (Cầm Thủy 30b).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Luyến

Phụ lục
ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG CHUYỂN ĐỔI
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA

(Kèm theo Quyết định số: 279 /QĐ-SXD ngày 01 /7/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Sơn La)

1. Hướng dẫn áp dụng

1.1. Nguyên tắc áp dụng

Đơn giá nhân công xây dựng công bố tại Quyết định này là thông tin đơn giá nhân công bình quân phù hợp với mặt bằng giá trên thị trường lao động tại thời điểm xác định của từng khu vực, đã bao gồm các khoản phụ cấp và bảo hiểm người lao động phải nộp theo quy định và không bao gồm các khoản bảo hiểm mà người sử dụng lao động phải nộp theo quy định.

Thông tin giá nhân công xây dựng là cơ sở để chủ đầu tư, các đơn vị có liên quan tham khảo để xác định chi phí đầu tư xây dựng công trình đảm bảo hiệu quả, mục tiêu, tiến độ của dự án. Trường hợp đơn giá nhân công xây dựng do cơ quan quản lý nhà nước ban hành, công bố chưa có hoặc chưa phù hợp với công trình thì chủ đầu tư, đơn vị tư vấn căn cứ hướng dẫn của Bộ Xây dựng để xác định giá làm cơ sở xác định chi phí đầu tư xây dựng công trình.

1.2. Đơn giá nhân công xây dựng công bố tại vùng III, IV *(phân vùng theo Nghị định số 293/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động)* như sau:

- Vùng III: gồm các phường Tô Hiệu, Chiềng An, Chiềng Cơi, Chiềng Sinh.
- Vùng IV: gồm các xã, phường còn lại.

2. Đơn giá nhân công xây dựng chuyển đổi

STT	Nhóm nhân công	Tên nhân công Loại công tác	Đơn vị tính	Đơn giá nhân công xây dựng *(đồng)*	
				Vùng III	Vùng IV
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	Nhóm 1	Chuẩn bị mặt bằng, phá dỡ - tháo dỡ, vệ sinh; công tác phục vụ thi công (bốc xếp, vận chuyển, đóng bao, giàn giáo); công tác đất, đá, cát (đào, đắp, bơm, nạo vét, xói hút, vận chuyển và không gồm phá đá bằng nổ mìn).	đồng/công	213.987	201.184
2	Nhóm 2	Thi công cọc, gia cố, khoan tạo lỗ, khoan giảm áp, khớp nối, phá đá bằng khoan nổ mìn, bê tông xi măng, lắp đặt cấu kiện bê tông, ván khuôn, cốt thép, bê tông nhựa, xây gạch, đá và các công tác khác chưa được quy định tại nhóm 1, 3 và 4 bảng này.	đồng/công	277.906	265.735

STT	Nhóm nhân công	Tên nhân công Loại công tác	Đơn vị tính	Đơn giá nhân công xây dựng *(đồng)*	
				Vùng III	Vùng IV
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
3	Nhóm 3	Lắp đặt hệ thống kỹ thuật công trình; đường ray, gia công lắp dựng kết cấu gỗ, kết cấu sắt thép; cáp thép; trát, ốp, lát, láng, làm trần, mái, sơn, bả; khảo sát xây dựng	đồng/công	287.391	274.805
4	Nhóm 4	Lắp đặt, tháo dỡ đường dây tải điện và trạm biến áp, thiết bị công nghệ, thông tin, tín hiệu, đo lường, điều khiển, thí nghiệm	đồng/công	312.267	298.940
5	Nhóm nhân công vận hành, điều khiển máy	Nhân công vận hành máy, điều khiển máy	đồng/công	311.166	301.837
6	Nhóm nhân công vận hành, điều khiển máy	Lái xe	đồng/công	291.909	283.157
7	Nhóm nhân công vận hành, điều khiển máy	Thủy thủ, thợ máy, thợ điện	đồng/công	326.000	310.000
8	Nhóm nhân công vận hành, điều khiển máy	Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuốc I, kỹ thuật viên cuốc II tàu sông	đồng/công	366.000	348.000
9	Nhóm nhân công vận hành, điều khiển máy	Thuyền trưởng, thuyền phó	đồng/công	428.000	407.000
10	Nhóm nhân công thực hiện các công tác khác	Kỹ sư thực hiện khảo sát, thí nghiệm	đồng/công	300.000	289.000
11	Nhóm nhân công thực hiện các công tác khác	Thợ lặn	đồng/công	573.000	545.000
12	Nhóm nhân công thực hiện các công tác khác	Nghệ nhân	đồng/công	527.000	502.000